

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG THỜI ĐẠI CHUYỂN ĐỔI SỐ

● NGUYỄN BÁ HUY

TÓM TẮT:

Chuyển đổi số (CĐS) là xu thế lớn hiện nay, là cơ hội bứt phá vươn lên cho các trường đại học, trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. CĐS không chỉ là quá trình số hóa và nâng cấp mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, mà còn là bước ngoặt tạo nên đột phá to lớn trong hoạt động quản trị của các trường. Để các trường đại học phát triển bền vững trong thời đại CĐS, việc nâng cao hiệu quả quản trị là yêu cầu cấp thiết. Trong phạm vi bài viết, trên cơ sở phân tích những nội dung cơ bản của quản trị đại học (QTĐH), cùng những yêu cầu đặt ra về hiệu quả quản trị trong bối cảnh CĐS, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả QTĐH trong thời đại CĐS hiện nay.

Từ khóa: chuyển đổi số, quản trị, trường đại học, quản trị đại học.

1. Đặt vấn đề

CĐS trong các trường đại học là một nội dung quan trọng trong quá trình CĐS giáo dục đại học ở nước ta. Hoạt động này nhằm hiện thực hóa mục tiêu CĐS trong lĩnh vực giáo dục mà Chương trình CĐS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định. CĐS không làm thay đổi giá trị cốt lõi hay mô hình của một trường đại học, mà là sự chuyển đổi hoạt động cốt lõi của nhà trường thông qua nền tảng số, công nghệ số. Tuy nhiên, quá trình CĐS đặt ra những yêu cầu mới, cao hơn đối với hiệu lực, hiệu quả QTĐH. Do đó, trong thời đại CĐS, mỗi trường đại học và cá nhân nhà quản trị cần có giải pháp đồng bộ, hiệu quả để nâng cao hiệu quả quản trị, vì mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế xã hội của các trường.

2. Quản trị đại học

Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về quản trị đại học (QTĐH). Theo Gallagher (2002), quản trị là “cấu trúc của các mối quan hệ nhằm mang đến sự kết dính, ủy nhiệm chính sách, kế hoạch và ra quyết định, chịu trách nhiệm trước nhà trường, cộng đồng xã hội và người học về sự tin cậy, tính thích ứng và hiệu quả chi phí quản lý” [10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo Australia cho rằng, QTĐH liên quan đến việc xác định giá trị trong các trường đại học, hệ thống ra quyết định và phân bổ nguồn lực, sứ mạng và mục đích của trường đại học, mô hình tổ chức và phân cấp, mối quan hệ của các trường đại học với các thể chế học thuật khác bên trong và chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng bên ngoài [9]. Theo nghiên cứu của Nguyễn Đông Phong và Nguyễn Hữu

Huy Nhứt (2013), QTĐH được hiểu là “quá trình xây dựng và tập hợp các quy tắc, hệ thống nhằm quản lý và kiểm soát toàn bộ hoạt động của một trường đại học” [5]. Như vậy có thể hiểu, QTĐH là cấu trúc của các mối quan hệ, cơ chế và quá trình ra những quyết định có thẩm quyền tác động đến những vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong nội bộ trường đại học, cũng như đối với bên ngoài, bao gồm: mục tiêu, sứ mạng, chiến lược, chương trình đào tạo, cơ cấu tổ chức, nguồn lực vận hành, con người... trong các trường đại học. QTĐH bao gồm các nội dung sau:

Quản trị về tổ chức, nhân sự: Đây là việc Nhà nước trao quyền cho các trường đại học được quyền thiết lập cơ cấu bộ máy, tuyển dụng hoặc sa thải cán bộ của trường. Các trường đại học được quyền đưa ra những quy định về thể thức lựa chọn ban lãnh đạo nhà trường, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ, tổ chức bộ máy; được quyền quyết định tất cả các chức danh khoa học và sự phạm thuộc phạm vi của trường theo đúng tiêu chuẩn của trường và quy định của Nhà nước; được sắp xếp, phân công giảng viên, công chức, viên chức theo năng lực từng người phù hợp với vị trí công tác; được mời thỉnh giảng, hoặc hợp đồng nghiên cứu khoa học và các hợp đồng thuê, khoán bằng kinh phí tự có; được quyết định mời chuyên gia nước ngoài đến làm việc chuyên môn, cử viên chức của đơn vị đi công tác, học tập ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật,...

Quản trị về đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế: Các trường đại học được quyền quyết định các hình thức, số lượng tuyển sinh phù hợp với điều kiện và quy định của Nhà nước; mở các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học đã có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước; xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo trên cơ sở quy định của Nhà nước; tổ chức biên soạn, duyệt và thẩm định các giáo trình theo chuyên ngành và các tài liệu giảng dạy, học tập của trường; được quyết định mẫu văn bằng, chứng chỉ và tổ chức cấp văn bằng, chứng chỉ cho những người được trường đào tạo khi có đủ các điều kiện theo quy định của Nhà nước.

Về nghiên cứu khoa học: Các trường đại học được quyền xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm, trung hạn và dài hạn; chủ động đăng ký tham gia tuyển chọn, đấu thầu, ký kết hợp đồng hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật; tự xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trường; được quyền xây dựng các viện, trung tâm nghiên cứu và phát triển, các cơ sở sản xuất thử nghiệm, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ; hợp tác khoa học và công nghệ với nước ngoài và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật; tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của người học; tổ chức các hội nghị khoa học và công nghệ, tham dự các giải thưởng khoa học và công nghệ...

Trong quan hệ quốc tế, các trường đại học được quyền chủ động thiết lập các mối quan hệ hợp tác về đào tạo, khoa học và công nghệ với các trường đại học, các tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ nước ngoài; mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và trao đổi kinh nghiệm; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo các quy định của Nhà nước.

Quản trị về công tác kiểm định và đánh giá chất lượng: Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 65/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/11/2007 quy định 10 tiêu chuẩn về đánh giá chất lượng các trường đại học, gồm: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học; Quy định về Tổ chức và quản lý; Chương trình giáo dục; Hoạt động đào tạo; Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên; Người học; Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; Hoạt động hợp tác quốc tế; Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác; Tài chính và quản lý tài chính. Trên cơ sở 10 tiêu chuẩn này, hàng năm, các trường tự đánh giá và báo cáo về Bộ thông qua Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng. Căn cứ vào báo cáo tự đánh giá của các trường đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo còn tổ chức cho các trường đăng ký tham gia đánh giá ngoài bằng hình thức: tổ chức các đoàn kiểm tra giám sát; tổ chức cho các trường tự đánh giá lần

nhau; các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp sử dụng lao động cùng tham gia đánh giá việc thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí nêu trên [1].

Quản trị về tài chính: Các trường đại học được quyền quyết định hoạt động tài chính của nhà trường bao gồm các hoạt động thu, chi, quản lý và phân phối kết quả hoạt động tài chính, huy động vốn, quản lý các quỹ chuyên dụng, quản lý tài sản, quản lý nợ phải trả của nhà trường và các hoạt động tài chính khác theo quy định của pháp luật [2].

3. Chuyển đổi số và yêu cầu đặt ra đối với hoạt động quản trị trong các trường đại học

Ở Việt Nam, CDS bắt đầu được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2018. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình CDS quốc gia vào ngày 03/6/2020. Trong lĩnh vực giáo dục, Chương trình CDS quốc gia xác định: “Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa” [5].

Đối với các trường đại học, CDS tập trung vào 2 nội dung là CDS trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và CDS trong quản lý giáo dục. Các lớp học truyền thống dần được thay thế bằng các lớp học trực tuyến, từ xa, lớp học ảo với không gian học tập đa dạng hơn. Dữ liệu lớn (big data) trở thành nguồn học liệu phong phú, vô tận, để phục vụ người dạy và người học. CDS không chỉ là số hóa bài giảng, hay ứng dụng các phần mềm vào xây dựng bài giảng, mà còn là sự chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số. Toàn bộ dữ liệu về quá trình học tập của người học được theo dõi và lưu trữ bằng công nghệ chứ không phải thông qua hệ thống hồ sơ sổ sách thông thường [6]. Trong hoạt động quản trị, CDS bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ số để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định quản trị. Đồng thời, thay đổi về cơ cấu tổ chức, quy trình nghiệp vụ, các mối

quan hệ, quy trình xử lý thông tin, ra quyết định và giải quyết công việc của hoạt động quản trị. CDS đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với hoạt động QTĐH, cụ thể là:

Về lãnh đạo: Sự đi đầu và cam kết mạnh mẽ của lãnh đạo trường trong CDS là yếu tố quan trọng đầu tiên để CDS có cơ hội thành công. Điều này đòi hỏi trước tiên về năng lực của lãnh đạo trong việc tạo nên một tầm nhìn được cộng đồng nhà trường cùng chia sẻ và đồng tâm thực hiện.

Về chiến lược: Nhà quản trị các cấp phải xác định tầm nhìn và cụ thể hóa thành chương trình hành động thông qua chiến lược CDS. Có 02 vấn đề quan trọng cần quan tâm trong chiến lược CDS: 1) Mục tiêu CDS, hiện có nhiều mục tiêu khác nhau trong CDS, như: nâng cao vị thế, nâng cao hiệu quả chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh, tái cấu trúc nhà trường... Nhưng nếu lấy sinh viên làm trung tâm thì mục tiêu được quan tâm nhất là phục vụ lợi ích người học trên các phương diện: mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học, cải thiện chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt và suốt đời. 2) Trường đại học đang ở đâu trên hành trình CDS. Theo công ty nghiên cứu và tư vấn hàng đầu Gartner, hành trình CDS của trường đại học gồm các giai đoạn: chưa có ý tưởng gì; có mong muốn CDS; thiết kế CDS; triển khai chuyển đổi số; mở rộng phạm vi CDS; gặt hái kết quả CDS [4]. Nhà quản trị phải xác định đúng vị trí của nhà trường trên hành trình CDS mới giúp việc xây dựng chiến lược CDS phù hợp và khả thi.

Về tổ chức thực hiện: Hoạt động quản trị cần tạo ra sự phối hợp giữa những chỉ đạo từ trên xuống với sự chủ động cùng những sáng kiến từ dưới lên trong quá trình CDS. Nghiên cứu của Benavides và cộng sự (2020) cho thấy qua các bài báo về CDS trong giáo dục đại học có: 68% cho rằng cần ban hành và phổ biến trong toàn trường một tài liệu hướng dẫn về CDS; 42% cho rằng cần thành lập một trung tâm năng lực để bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ; 26% cho rằng cần thay đổi về hoạt động quản trị; 16% cho rằng cần tái cấu trúc nhà trường theo mô hình doanh nghiệp [8].

Về nguồn lực tài chính: Sự thiếu hỗ trợ về mặt tài chính ở cấp quốc gia cùng với sự hạn hẹp về

kinh phí nhà trường là rào cản lớn nhất trong CDS ở phần lớn các trường đại học. Trước bài toán CDS, đòi hỏi nhà quản trị phải có biện pháp quản trị tài chính phù hợp, như: mua sắm các công nghệ bền vững, tận dụng các nguồn được cấp phép mở, tinh giản bộ máy và công việc thông qua công nghệ, phát triển quan hệ đối tác trong đầu tư vào công nghệ.

Về hạ tầng số: Không có hạ tầng số thì không có CDS. Đối với các trường đại học, đây là rào cản thứ hai sau vấn đề tài chính. Ngoài việc chờ đợi phát triển hạ tầng số và nền tảng số theo chương trình quốc gia, công tác quản trị cần hướng tới việc khai thác tốt hơn và hiệu quả hơn mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam (VinaREN). Cùng với kết nối, cần bảo đảm rằng mọi sinh viên và giảng viên có máy tính hoặc điện thoại thông minh để có thể truy cập vào bài giảng ở bất kỳ đâu, bất kỳ lúc nào.

Về quản trị số: Nhà quản trị cần triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động của nhà trường, trong đào tạo, nghiên cứu, tổ chức, nhân sự, tài chính, hợp tác quốc tế. Cần hoàn thiện mô hình quản trị số nhằm kết nối giữa các đơn vị trong trường, giữa nhà trường với các cơ quan quản lý, với xã hội và cộng đồng.

4. Một số giải pháp cần thực hiện

Một là, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên, nhân viên về CDS trong các trường đại học. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế về giáo dục đại học, dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, CDS trong các trường đại học là yêu cầu tất yếu. CDS giúp nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế cạnh tranh, nâng cao thương hiệu của các trường đại học và tạo ra sự phát triển bền vững. Bên cạnh đó, CDS còn giúp các trường đại học nâng cao tính hội nhập toàn cầu, sớm tiệm cận với các trường đại học tiên tiến trên thế giới. Tuy nhiên, để sớm đạt được mục đích, yêu cầu đề ra trong CDS, các trường đại học cần có sự thay đổi tổng thể, với sự chung tay của cả hệ thống. Lực lượng tham gia các hoạt động trong nhà trường bao gồm cả ban lãnh đạo, cán bộ, công nhân, viên chức, sinh viên, giảng viên, vậy nên tất cả phải cùng nhau chuyển hóa hoạt động lên trên môi trường số mới hiệu quả.

Hai là, xây dựng và vận hành một mô hình quản trị phù hợp. Chú trọng phân định rõ vai trò, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám hiệu và Hội đồng khoa học. Cốt lõi của vấn đề đổi mới đó là tăng cường mối quan hệ tương tác giữa công tác quản trị của các trường với kết quả đào tạo (quy mô, chất lượng, hiệu quả đào tạo); đáp ứng sự hài lòng của “khách hàng” (sinh viên, thị trường lao động) đối với công tác quản trị các trường hiện nay; thực thi có hiệu lực và hiệu quả các chính sách, chỉ thị của nhà nước liên quan đến công tác quản trị trường đại học. Vận dụng một cách linh hoạt và có sáng tạo mô hình quản trị các trường đại học tiên tiến trên thế giới, để đổi mới mô hình, nâng cao hiệu quả quản trị của các nhà trường.

Ba là, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực QTĐH cho đội ngũ viên chức quản lý. Các trường đại học cần quan tâm đến vấn đề: Cơ cấu hợp lý đội ngũ viên chức và người lao động trong trường; phân loại đối tượng viên chức quản lý sát với vị trí việc làm để đào tạo, bồi dưỡng theo định hướng phát triển năng lực quản trị. Xác định nội dung, chương trình, hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, gắn với yêu cầu của CDS và tự chủ đại học. Quan tâm đến các năng lực về xây dựng chiến lược; quản trị tổ chức, bộ máy; quản trị tài chính; quản trị môi trường học thuật và các kiến thức liên quan đến tự chủ đại học. Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị cho viên chức quản lý theo từng giai đoạn. Thực hiện đánh giá kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực quản trị một cách toàn diện, kịp thời và linh hoạt.

Bốn là, tăng cường quan hệ giữa trường đại học với các doanh nghiệp. Mối quan hệ này sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cả trường đại học và doanh nghiệp. Đối với trường đại học, hợp tác với doanh nghiệp là con đường, biện pháp để thực hiện mục tiêu đào tạo theo nhu cầu xã hội; đồng thời huy động được nguồn ngoại lực quan trọng cho CDS và nâng cao hiệu quả quản trị. Việc hợp tác với doanh nghiệp có thể tiến hành theo các nhóm nội dung, gồm: Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng

mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra; nhận xét, đánh giá năng lực sinh viên sau khi tốt nghiệp. Tổ chức, vận hành chương trình đào tạo như: tổ chức thực hành, thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp; doanh nghiệp cử chuyên gia hướng dẫn thực hành, thực tập; giảng một số môn học chuyên ngành; cùng hướng dẫn đồ án tốt nghiệp... tại trường đại học. Doanh nghiệp tài trợ trang thiết bị phục vụ thực hành, thí nghiệm sách, phục vụ công tác đào tạo; cấp học bổng, trả lương thực tập cho sinh viên... Tổ chức các chương trình đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, bên cạnh chương trình đào tạo chính khóa do nhà trường cấp bằng, sinh viên được đào tạo tăng cường thêm về ngoại ngữ, kỹ năng mềm... theo đặt hàng của doanh nghiệp để khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đi làm ngay tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp đặt hàng nhà trường bồi dưỡng, đào tạo nâng cao cho nhân sự của doanh nghiệp; tham gia đánh giá trình độ, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động tại doanh nghiệp...

Năm là, chú trọng việc kiểm soát, phân cấp quản trị. Các trường đại học cần có cơ chế kiểm soát và phân công có tính hiệu quả, cũng như tích

hợp được nhiều hoạt động thanh tra, kiểm tra và chế tài độc lập. Cơ chế này cần phải đi liền với chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của cá nhân nhà quản trị, tránh hiện tượng không quy rõ được trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức khi nảy sinh các vấn đề trong hoạt động quản trị. Nhà quản trị các cấp phải thể hiện đầy đủ về “trách nhiệm giải trình” trước toàn xã hội, với phụ huynh, người học, đơn vị sử dụng lao động.

5. Kết luận

Thời đại CDS đã tạo ra nhiều thuận lợi, cũng như thách thức cho các trường đại học trong hoạt động quản trị. Để thực hiện CDS hiệu quả gắn với nâng cao hiệu quả quản trị, các cơ sở giáo dục đại học cần có mô hình quản trị hiện đại, nhà quản trị cần được bồi dưỡng, phát triển các năng lực toàn diện. Các giải pháp cần tập trung thực hiện bao gồm: nâng cao nhận thức về CDS; xây dựng mô hình QTĐH hiện đại; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp; bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các bộ quản trị các cấp; có cơ chế kiểm soát, nâng cao trách nhiệm giải trình của nhà quản trị trong các trường đại học ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009). Báo cáo số 760/BC-BGDĐT về sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học, các giải pháp nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, ngày 29/10/2009, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009). Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
3. Nguyễn Đông Phong, Nguyễn Hữu Huy Nhật (2013). Quản trị đại học và mô hình cho trường đại học khối kinh tế ở Việt Nam. Tạp chí Phát triển & Hội nhập, số 8 (18), tháng 01- 02/2013.
4. Trần Thắng (2011). Đại học tư thực Mỹ là một tổ chức phi lợi nhuận. Truy cập tại: <https://thanhvien.vn/my-dh-tu-thuc-la-mot-to-chuc-phi-loi-nhuan-185162154.htm>.
5. Thủ tướng Chính phủ (2020). Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020, Phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
6. Nguyễn Thị Thu Vân (2021). Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học. Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 309 (tháng 10/2021).
7. Phùng Thế Vinh (2015). Quản trị đại học theo tinh thần doanh nghiệp: Nghiên cứu điển hình một số trường đại học khối ngành kinh tế - kinh doanh trên địa bàn Hà Nội. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Benavides L. M. C., Arias J. A. T., Serna M. D. A., Bedoya J. W. B. & Burgos D. (2020). Digital Trans/ormation in Higher Education Institutions: A Systematic Literature Review. Article in Sensors, June 2020.
9. Clark E. (2018). Digital Trans/ormation: What Is It? EDUCAUSE Review Monday, May 21, 2018.
10. Arendt E. K., OBrien C. M., Schober T., Gormley T. R., & Gallagher E. (2002). Development of gluten-free cereal products. Farm Food, 12, 21-27.

Ngày nhận bài: 5/10/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 18/10/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/11/2023

Thông tin tác giả:

NGUYỄN BÁ HUY

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Email: huynb@hub.edu.vn

IMPROVING THE MANAGEMENT EFFICIENCY OF UNIVERSITIES IN THE ERA OF DIGITAL TRANSFORMATION

● NGUYEN BA HUY

Ho Chi Minh University of Banking

ABSTRACT:

Digital transformation is a megatrend today, creating opportunities for universities to make a breakthrough in the Fourth Industrial Revolution. Digital transformation is not only the process of digitizing and upgrading the application of advances in information and communication technologies but also a turning point that creates a huge breakthrough in the management activities of universities. It is an urgent requirement for universities to enhance their management to develop sustainably in the era of digital transformation. By analyzing the basic contents of university management and the requirements for university management efficiency, this study proposed some solutions to improve the management of universities in the era of digital transformation.

Keywords: digital transformation, management, universities, university management.